

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 30, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

HKTT: Ô2, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 30, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông S và bà N chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 314 quyển 02/2012 ngày 23-10-2012. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại tổ 30, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm. Nguyên nhân từ những vấn đề về tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình mà hai bên không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên cũng như phường xã can thiệp nhưng không giải quyết được. Đến khoảng tháng 7/2021 thì vợ chồng ly thân, bà N về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N.

Về nuôi con chung: Ông S xác nhận ông và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 13-7-2012 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 17-7-2019. Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Võ Thị N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của bà N.

Tại phiên tòa:

Ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà N vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Văn S yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Võ Thị N nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn bà Võ Thị N có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân:* Ông S và bà N chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 314 quyển 02/2012 ngày 23-10-2012. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại tổ 30, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân từ những vấn đề tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình mà hai bên không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên cũng như phường xã can thiệp nhưng không giải quyết được. Đến khoảng tháng 7/2021 thì vợ chồng ly thân, bà N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Tại Tòa ông S xác định không còn tình cảm với bà N nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Ông S và bà N kết hôn năm 2012 và chung sống với nhau tại tổ 30, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, bà N về nhà mẹ đẻ sinh sống để lại 02 con chung cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa ông S và bà N là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà N.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Ông S và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 13-7-2012 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 17-7-2019. Ông S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân năm 2021 cho đến nay, các cháu vẫn ở với ông S, được ông S chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông S giao cháu P và cháu N cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Ông S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn S ly hôn bà Võ Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 13-7-2012 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 17-7-2019 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008766, ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L
- THADS huyện L;
- UBND TT L;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị Bình

